

Superior Court of Washington, County of _____
Tòa Thượng Thẩm Washington, Quận _____

In re:

Về việc:

Petitioner/s (person/s who started this case):
(Các) Nguyên Đơn ((những) người đã khởi
đầu vụ án này):

And Respondent/s (other party/parties):
Và (Các) Bị Đơn ((các) đương sự còn lại):

No. _____

Số _____

Motion to Restrict Abusive Litigation
*Kiến Nghị về Hạn Chế Kiện Tụng Mang Tính
Lạm Dụng*

(MTRAL)

(MTRAL)

Motion to Restrict Abusive Litigation
Kiến Nghị về Hạn Chế Kiện Tụng Mang Tính Lạm Dụng

Use this form to ask for an order restricting abusive litigation at any of these times:

Sử dụng mẫu đơn này để yêu cầu lệnh hạn chế kiện tụng mang tính lạm dụng vào bất kỳ thời điểm nào sau đây:

- To dismiss a new case,
Để bác bỏ một vụ án mới,
- During an ongoing case, or
Trong suốt thời gian một vụ án đang diễn ra, hoặc
- Within 5 years after an Order for Protection is issued (even if it has expired).
Trong vòng 5 năm sau khi Lệnh Bảo Vệ được ban hành (cho dù lệnh đã hết hạn).

To the person filing this motion:

Gửi đến người đang nộp đơn kiến nghị này:

You must schedule a hearing on this motion. You may use the *Notice of Hearing* (form FL All Family 185) unless your county's Local Court Rules require a different form. Contact the court for scheduling information.

Quý vị phải sắp xếp phiên xét xử về kiến nghị này. Quý vị có thể sử dụng Thông Báo Phiên Xét Xử (mẫu đơn FL Tất cả gia đình 185) trừ khi Quy Tắc Tòa Án Địa Phương của quận quý vị yêu cầu một mẫu đơn khác. Liên hệ với tòa án để sắp xếp thông tin.

To the person receiving this motion:

Gửi đến người đang nhận đơn kiến nghị này:

If you do not agree with the requests in this motion, file a statement (using form FL All Family 135, *Declaration*) explaining why the court should not approve those requests. You may file other written proof supporting your side.
Nếu quý vị không đồng ý với các yêu cầu trong đơn kiến nghị này, hãy nộp một bản trình bày (dùng mẫu FL Tất cả gia đình 135, Khai Báo) giải thích lý do vì sao tòa án không nên chấp thuận các yêu cầu đó. Quý vị có thể nộp bằng chứng khác bằng văn bản để chứng minh cho bên quý vị.

To both parties:

Gởi đến cả hai đương sự:

If you want the court to consider your side, you **must**:

Nếu quý vị muốn tòa án xem xét bên quý vị, quý vị phải:

- File your original documents with the Superior Court Clerk; AND
Nộp các văn kiện gốc của quý vị cho Lục Sự Tòa Thượng Thẩm; VÀ
- Give the Judge/Commissioner a copy of your papers (if required by your county's Local Court Rules); AND
Cung cấp cho Thẩm Phán/Ủy Viên một bản sao giấy tờ của quý vị (nếu được yêu cầu theo Quy Tắc Tòa Án Địa Phương của quận quý vị); VÀ
- Have a copy of your papers served on all other parties or their lawyers; AND
Yêu cầu tổng đạt một bản sao giấy tờ của quý vị cho tất cả các đương đơn còn lại hoặc luật sư của họ; VÀ
- Go to the hearing.
Ra tòa.

The court may not allow you to testify at the motion hearing. Read your county's Local Court Rules, if any.

Tòa án có thể không cho phép quý vị làm chứng tại phiên xét xử kiến nghị. Đọc Quy Tắc Tòa Án Địa Phương của quận quý vị, nếu có.

Bring proposed orders to the hearing.

Mang các lệnh được đề xuất đến phiên xét xử.

Deadline! Your papers must be filed and served by the deadline in your county's Local Court Rules, or by the State Court Rules deadline if there is no local rule. Court Rules and forms are online at www.courts.wa.gov.

Hạn Cuối! Giấy tờ của quý vị phải được nộp và tổng đạt trước hạn cuối theo Quy Tắc Tòa Án Địa Phương của quận quý vị hoặc theo Quy Tắc Tòa Án Tiểu Bang nếu không có quy tắc địa phương. Quy Tắc Tòa Án và các mẫu đơn trực tuyến tại www.courts.wa.gov.

1. My name is _____.
Tôi tên là
2. I ask the court to stop the other party (name): _____
from the abusive use of litigation.
Tôi yêu cầu tòa án ngăn chặn đương sự còn lại, (tên):
khỏi việc sử dụng kiện tụng mang tính lạm dụng.
3. **Relationship**
Mối Quan Hệ

The other party and I are intimate partners because we are (check all that apply):
Đương sự còn lại và tôi là bạn tình thân mật bởi vì chúng tôi là (đánh dấu tất cả mục thích hợp):

[] current or former spouses or domestic partners
vợ/chồng hay bạn tình sống chung trước đây hoặc hiện tại;

[] parents of a child-in-common (unless child was conceived through sexual assault)
cha mẹ của một con chung (trừ khi trẻ được thụ thai do bị tấn công tình dục).

- [] current or former dating relationship (age 13 or older) who
 [] never lived together [] live or have lived together
mối quan hệ hẹn hò trước đây hoặc hiện tại (từ 13 tuổi trở lên)
 [-] chưa bao giờ sống chung với nhau [-] sống hoặc đã sống chung với nhau

4. A court has found domestic violence

Một tòa án đã nhận thấy bạo hành gia đình

(Check all that apply and attach a copy of the order/s, if you have them)

(Đánh dấu tất cả mục thích hợp và đính kèm một bản sao (các) lệnh, nếu quý vị có)

- [] **Domestic Violence Protection Order** – There is or was a DVPO protecting me from the other party. The order was signed on (date) _____
 in (county, state) _____
 in case number _____.

Lệnh Bảo Vệ Chống Bạo Hành Gia Đình – Có hoặc đã có lệnh DVPO bảo vệ tôi khỏi đương sự còn lại. Lệnh đã được ký vào (ngày) _____
 tại (quận và tiểu bang) _____
 theo số vụ án _____

- [] **Restraining Order** – There is or was a restraining order in a family law case protecting me from the other party. The court made a specific finding that the order was necessary because of domestic violence. The order was signed on (date) _____ in (county, state) _____
 in case number _____.

Lệnh Cấm – Có hoặc đã có một lệnh cấm trong vụ án luật gia đình để bảo vệ tôi khỏi đương sự còn lại. Tòa án đã đưa ra phán quyết cụ thể rằng lệnh này là cần thiết bởi vì bạo hành gia đình. Lệnh đã được ký vào (ngày) _____ tại (quận và tiểu bang) _____
 theo số vụ án _____

- [] **Parenting Plan** – Our parenting plan has restrictions because the other parent has a history of acts of domestic violence, or assault, or sexual assault as defined in RCW 26.50.010. The order was signed on (date) _____
 in (county, state) _____
 in case number _____.

Kế Hoạch Nuôi Dưỡng Con – Kế hoạch nuôi dưỡng con của chúng tôi có các hạn chế bởi vì phụ huynh còn lại có tiền sử bạo hành gia đình hoặc tấn công hay tấn công tình dục theo quy định trong RCW 26.50.010. Lệnh đã được ký vào (ngày) _____ tại (quận và tiểu bang) _____
 theo số vụ án _____

5. The other party's court action/s are abusive

(Các) Hành động tại tòa án của đương sự còn lại là mang tính lạm dụng

The other party is starting, advancing, or continuing court actions (litigation) primarily for the purpose of harassing, intimidating, or maintaining contact with me.

Đương sự còn lại đang bắt đầu, thúc đẩy hoặc tiếp tục các hành động tại tòa án (kiện tụng) chủ yếu vì mục đích quấy rối, đe dọa hoặc duy trì mối liên hệ với tôi.

This is true because (check all that apply):

Điều này đúng sự thật bởi vì (đánh dấu tất cả mục thích hợp):

- [] **No Evidence** – There is no evidence to support the other party's allegations and other factual claims.

Không Có Bằng Chứng – Không có bằng chứng nào chứng minh cho lời cáo buộc và tuyên bố thực tế khác của đương sự còn lại.

- [] **Already Decided** – An issue or issues that are the basis of the other party's court action have previously been filed in one or more other courts or jurisdictions and the actions have been litigated and disposed of unfavorably to the other party.

Đã Quyết Định – Một hoặc nhiều vấn đề là cơ sở cho hành động tại tòa án của đương sự còn lại đã được đệ trình trước đây lên một hoặc nhiều tòa án hoặc thẩm quyền khác và các hành động này đã được kiện tụng và giải quyết theo cách bất lợi cho đương sự còn lại.

- [] **Not Warranted by Law** – The other party's claims, allegations, and other legal contentions made in the case are not warranted by existing law or by a reasonable argument for the extension, modification, or reversal of existing law, or the establishment of a new law.

Không Được Pháp Luật Bảo Đảm – Các khiếu nại, cáo buộc và tranh chấp pháp lý khác của đương sự còn lại đưa vào trong vụ án không được bảo đảm bởi pháp luật hiện hành hoặc bởi luận cứ hợp lý về gia hạn, sửa đổi hoặc hủy bỏ luật hiện hành hoặc thiết lập một luật mới.

6. Proof of abusive litigation

Bằng chứng kiện tụng mang tính lạm dụng

(Check all that apply):

(Đánh dấu tất cả mục thích hợp):

- [] **Pre-filing Restriction** – Another court has put pre-filing restrictions on the other party because the other party engaged in abusive litigation or similar conduct.

Hạn Chế Nộp Đơn Trước – Một tòa án khác đã áp dụng hạn chế nộp đơn trước đối với đương sự còn lại bởi vì họ tham gia vào kiện tụng mang tính lạm dụng hoặc hành vi tương tự.

(Attach a copy if you have one, or complete below.)

(Đính kèm một bản sao nếu quý vị có hoặc hoàn tất dưới đây.)

The restriction is in an order signed by the court on (date) _____
in (county, state) _____
in case number _____.

Hạn chế trong một lệnh đã được tòa án ký vào (ngày) _____
tại (quận và tiểu bang) _____
theo số vụ án _____

- [] **Previous sanction** – The other party has been sanctioned before. The sanction was:

Hình phạt trước đó – Đương sự còn lại đã bị xử phạt trước đó. Hình phạt là:

- Within the last 10 years,
Trong vòng 10 năm qua,
- Under Washington Superior Court Civil Rule 11 or a similar rule or law from another jurisdiction, and
Theo Quy Tắc Dân Sự 11 Của Tòa Thượng Thẩm Washington hoặc một quy tắc hay luật tương tự từ một thẩm quyền khác, và
- For filing something involving me that the court found to be frivolous, vexatious, intransigent, or brought in bad faith.
Vì đã nộp một giấy tờ nào đó có liên quan đến tôi mà tòa án thấy là phù phiếm, phiền nhiễu, cố chấp hoặc được nộp một cách thiếu thiện chí.

(Attach a copy if you have one, or complete below.)
(Đính kèm một bản sao nếu quý vị có hoặc hoàn tất dưới đây.)

The sanction is in an order signed by the court on (date) _____
in (county, state) _____
in case number _____.

Hình phạt trong một lệnh đã được tòa án ký vào (ngày)
tại (quận và tiểu bang)
theo số vụ án

[] **Repeated action** – We have been to court about the same or substantially similar issues in the past 5 years. (Describe the similar court actions in the table below. Add lines or attach pages as needed.)

Hành động lặp lại – Chúng tôi đã ra tòa vì các vấn đề như nhau hoặc thực chất tương tự trong 5 năm qua. (Mô tả các vụ kiện tụng tương tự trong bảng dưới đây. Thêm dòng hoặc đính kèm giấy nếu cần.)

Type of court action or issue (Examples: Motions for contempt, Petitions to modify child support or change parenting plans, motions to compel) Loại vấn đề hoặc kiện tụng (Ví dụ: Kiến nghị về việc coi thường, Đơn Xin sửa đổi cấp dưỡng con hoặc thay đổi kế hoạch nuôi dưỡng con, kiến nghị bắt buộc)	County, State and Case Number (if not in this case number) Quận, Tiểu Bang và Số Vụ Án (nếu không theo số vụ án này)	Other Parties involved (if anyone other than just you and the other party) Các Đương Sự Còn Lại có liên quan (nếu bất kỳ người nào khác ngoài quý vị và đương sự còn lại)	Date of last filing or court decision Ngày nộp đơn cuối cùng hoặc quyết định tòa án	What did the court do? (Examples: dismissed on the evidence, request denied, sanctions imposed, no decision yet) Tòa án đã làm gì? (Ví dụ: bác bỏ bằng chứng, yêu cầu bị từ chối, hình phạt được áp đặt, chưa có quyết định)

[] Other details (if any): _____
Các chi tiết khác (nếu có): _____

[] **Other proof – (explain)** _____
Bằng chứng khác – (giải thích)

7. Request
Yêu Cầu

I ask the court to:
Tôi yêu cầu tòa án:

- Find the following motions or actions to be abusive litigation
Tìm các kiến nghị hoặc hành động sau đây là kiện tụng lạm dụng
(Specify motions or actions including case number, if not this case):
(Chỉ rõ các kiến nghị hoặc hành động bao gồm số vụ án, nếu không phải vụ án này):

- Dismiss, deny, or strike all the abusive motions or actions with prejudice;
Bác bỏ, từ chối hoặc xóa tất cả các kiến nghị hoặc hành động lạm dụng có định kiến;
- Enter an order restricting abusive litigation;
Đưa ra lệnh hạn chế kiện tụng mang tính lạm dụng;
- Impose all costs of any abusive civil actions on the other party;
Áp đặt tất cả chi phí của bất kỳ hành động dân sự nào mang tính lạm dụng cho đương sự còn lại;
- Award me all my lawyer's fees and costs from responding to the abusive litigation including making this request; and
Trao cho tôi toàn bộ phí luật sư của tôi và chi phí trả lời vụ kiện tụng mang tính lạm dụng kể cả việc đưa ra yêu cầu này; và
- Impose pre-filing restrictions upon the other party for at least 48 months but no longer than 72 months.
Áp đặt các hạn chế nộp hồ sơ trước đối với đương sự còn lại ít nhất 48 tháng nhưng không quá 72 tháng.
- Other (specify) _____
Khác (nêu rõ)

8. Other (if any):
Khác (nếu có):

Person asking for this order fills out below:

Người đang yêu cầu lệnh này điền vào dưới đây:

I declare under penalty of perjury under the laws of the state of Washington that the facts I have provided on this form (including any attachments) are true. [] I have attached (#): _____ pages.

Tôi cam đoan dưới hình phạt khai man theo luật lệ của tiểu bang Washington rằng các thông tin tôi đã cung cấp trong mẫu đơn này (bao gồm bất kỳ đính kèm nào) đều đúng sự thật. [-] Tôi đã đính kèm (#): _____ trang.

Signed at (city and state): _____ Date: _____
Đã ký tại (thành phố và tiểu bang): _____ Ngày: _____

Person asking for this order signs here
Người đang yêu cầu lệnh này ký ở đây

Print name here
Tên viết in ở đây

The following is my contact information:
Sau đây là thông tin liên hệ của tôi:

Important! If you do not want your street address, personal e-mail, and personal phone number on this public form, list it on form FL All Family 001 Confidential Information form. The parties, court staff, and court volunteers can see this Confidential Information form. GR 22(b)(6).

Quan Trọng! Nếu quý vị không muốn địa chỉ đường, e-mail cá nhân và số điện thoại cá nhân có trong mẫu đơn công khai này, hãy liệt kê các mục này trong mẫu đơn FL Tất cả gia đình 001 Thông Tin Mật. Các đương sự, nhân viên tòa án và tình nguyện viên của tòa án có thể xem mẫu đơn Thông Tin Mật này. GR 22(b)(6).

Email: _____
Email: _____

Phone (Optional): _____
Điện Thoại (Không bắt buộc): _____

I agree to accept legal papers for this case at (check one):
Tôi đồng ý nhận giấy tờ pháp lý cho vụ án này tại (đánh dấu một mục):

[] my lawyer's address, listed below.
địa chỉ luật sư của tôi, được liệt kê dưới đây:

[] the following address (this does **not** have to be your home address):
địa chỉ dưới đây (địa chỉ này **không** phải là địa chỉ nhà quý vị):

Street Address or PO Box Địa Chỉ Đường hoặc PO Box	City Thành Phố	State Tiểu Bang	Zip Mã Vùng
---	-------------------	--------------------	----------------

Note: You and the other party/ies may agree to accept legal papers by email under Civil Rule 5 and local court rules.

Lưu ý: Quý vị và (các) đương sự còn lại có thể đồng ý chấp nhận các giấy tờ pháp lý qua email theo Quy Tắc Dân Sự 5 và các quy tắc tòa án địa phương.

Lawyer (if any) fills out below:

Luật sư (nếu có) điền vào dưới đây:

Lawyer signs here
Luật sư ký ở đây

Print name and WSBA No.
Tên viết in và WSBA Số

Date
Ngày

Lawyer's Street Address or PO Box
Địa Chỉ Đường hoặc PO Box của Luật Sư

City
Thành Phố

State Zip
Tiểu Bang Mã Vùng

Email (if applicable):
Email (nếu có):

Warning! Documents filed with the court are available for anyone to see unless they are sealed. Financial, medical, and confidential reports, as described in General Rule 22, **must** be sealed so they can only be seen by the court, the other party, and the lawyers in your case. Seal those documents by filing them separately, using a *Sealed* cover sheet (form FL All Family 011, 012, or 013). You may ask for an order to seal other documents.

Cảnh Báo! Mọi người đều có thể xem các văn kiện nộp cho tòa án hiện có trừ khi các văn kiện này được niêm phong. Các báo cáo tài chính, y tế và bảo mật, như được mô tả trong Quy Tắc Chung 22, **phải** được niêm phong để chỉ tòa án, đương sự còn lại và luật sư trong vụ án của quý vị mới có thể xem các báo cáo này. Niêm phong các văn kiện đó bằng cách lưu trữ chúng riêng biệt, sử dụng một tờ bìa được có Niêm Phong (mẫu đơn FL Tất cả gia đình 011, 012 hoặc 013). Quý vị có thể yêu cầu một lệnh để niêm phong các văn kiện khác.